TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HS-ST
Ngày 27 - 7 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Thẩm phán: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân Ông Trần Khắc Viện, ông Nguyễn Văn Sảo, bà Nguyễn Thị Kim Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn PH Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Triệu Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Hà P, sinh năm 1990 tại tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Kế toán Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang (tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ ngày 01/02/2021); trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tuấn N và bà Nguyễn Thị M; có chồng Trịnh Thành Y và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt tại phiên tòa).*

2. **Phạm Thị H**, sinh năm 1969 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: xóm 9, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Tuyên Quang, Uỷ viên Ban Chấp hành Chi bộ cơ quan khối Dân thành phố (hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 61/QĐ- UBKTTU ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban

kiểm tra Tỉnh ủy Tuyên Quang); dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Mai Thị T; có chồng Nguyễn Đức T và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt tại phiên tòa).*

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hà P* (người bào chữa chỉ định): Bà Trần Thị Kim O, Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Hà Ngân, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hà P (do bị cáo nhờ): Ông Lê Quý T, Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Hà Ngân, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị hại:* Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền *(đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)*: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1965 - Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang *(có mặt)*;

Địa chỉ: Tổ 9, phường An Tường, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công đoàn Công ty Cổ phần Giấy Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Hồng T – Chủ tịch Công đoàn Công ty *(có mặt);*

Địa chỉ: Tổ 2, phường Nông Tiến, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công đoàn Công ty Cổ phần Đường bộ 232;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thanh T – Chủ tịch Công đoàn Công ty *(có mặt);*

Địa chỉ: Tổ 4, phường An Tường, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Công đoàn Công ty cổ phần xây dựng tổng hợp Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thanh T - Chủ tịch Công đoàn Công ty *(có mặt);*

Địa chỉ: Tổ 4, phường Hưng Thành, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Công đoàn Công ty cổ phần tH mại Tuyên Quang *(vắng mặt);*

Địa chỉ: Số 66, đường Chiến thắng Sông Lô, tổ 4, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

5. Công đoàn Công ty TNHH Dũng Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch Công đoàn Công ty *(có mặt);*

Địa chỉ: Tổ 9, phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

6. Công đoàn Công ty Cổ phần in và dịch vụ Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị L – Chủ tịch Công đoàn Công ty *(có mặt);*

Địa chỉ: Số 346, đường Tân Trào, tổ 5, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

7. Công đoàn Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị N - Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công ty (có văn bản ủy quyền số 11/UQ-CĐ ngày 12/7/2021 của bà Trần Thị Thu PH – Quyền Chủ tịch Công đoàn Công ty) *(có mặt);*

Địa chỉ: Số 117, đường Lê Lợi, tổ 10, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

8. Công đoàn Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư thủy lợi Ngọc Lâm;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Hồng H – Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty *(có mặt);*

Địa chỉ: Tổ 1, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

9. Công đoàn Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Thành Hưng *(vắng mặt);*

Địa chỉ: Tổ 7, phường Hưng Thành, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

10. Công đoàn Công ty TNHH Hiệp Phú;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P – Kế toán Công đoàn Công ty (có văn bản ủy quyền số 02/UQ-CĐ ngày 24 tháng 7 năm 2021 của ông Đỗ Thế Vĩnh – Chủ tịch Công đoàn Công ty) *(có mặt);*

Địa chỉ: Thôn 8, xã Lưỡng Vượng, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

11. Công đoàn Công ty cổ phần xây lắp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thanh H – Chủ tịch Công đoàn Công ty *(có mặt);*

Địa chỉ: Tổ 16, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

12. Bà Dìu Ngọc Y, sinh năm 1980 *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);*

Nơi ĐKHKTT: Tổ 6, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Tổ 4, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

13. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970 *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*;

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

14. Bà Nguyễn Thị PH H, sinh năm 1974 *(có mặt)*;

Nơi cư trú: Tổ 6, phường Nông Tiến, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

15. Ông Lê Đình T, sinh năm 1963 *(có mặt)*;

Nơi cư trú: Tổ 6, phường Nông Tiến, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thu T, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ 4, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Tổ 8, phường An Tường, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Bà Nguyễn Ánh V, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Tổ 6, phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Bà Phạm Thùy L, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Số 521, đường Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

5. Bà Đỗ Mai H, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Tổ 3, phường Hưng Thành, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

6. Bà Hoàng Thanh T, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Tổ 12, phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

7. Bà Phan Thị Minh N, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Tổ 1, phường An Tường, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

8. Bà Phạm Hồng H, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Tổ 15, phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

9. Bà Trần Kim A, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Tổ 1, phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

(vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/9/2015, Nguyễn Thị Hà P, sinh năm 1990, trú tại tổ 14, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (chỗ ở tổ 6, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang) được Liên đoàn Lao động tỉnh Tuyên Quang (LĐLĐ tỉnh) ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn và phân công làm nhân viên kế toán tại Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang (LĐLĐ thành phố). Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ kế toán, PH còn được lãnh đạo LĐLĐ thành phố giao kiêm nhiệm làm công tác văn thư, quản lý con dấu của cơ quan. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, lợi dụng sự tin tưởng, không thường xuyên kiểm tra, giám sát của lãnh đạo cơ quan, nhất là trong công tác quản lý tài chính, PH đã thực hiện hành vi lập khống chứng từ kế toán để chiếm đoạt tiền của LĐLĐ thành phố. Phạm Thị H sinh năm 1969, trú tại xóm 9, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, là Chủ tịch LĐLĐ thành phố, là chủ tài khoản của đơn vị, nhưng do tin tưởng nhân viên kế toán, thiếu kiểm tra, đôn đốc, dẫn đến buông lỏng quản lý trong công tác tài chính, không kịp thời phát hiện vi phạm, để cho nhân viên kế toán chiếm đoạt tiền của cơ quan. Hành vi vi phạm của các bị cáo cụ thể như sau:

1. Hành vi Tham ô tài sản của bị cáo Nguyễn Thị Hà P:

1.1. Hành vi lập ủy nhiệm chi để chiếm đoạt tiền trong tài khoản Ngân hàng của LĐLĐ thành phố Tuyên Quang:

Hàng năm, LĐLĐ thành phố thực hiện việc thu kinh phí công đoàn của các đơn vị Công đoàn cơ sở qua số tài khoản 81002110135 của đơn vị, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Tuyên Quang (Ngân hàng NN và PTNT tỉnh); sau đó thực hiện việc cấp trả kinh phí công đoàn thông qua việc lập ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản của đơn vị đến tài khoản của các đơn vị Công đoàn cơ sở được thụ hưởng. Ngoài ra, một số đơn vị Công đoàn cơ sở thuộc khối doanh nghiệp thường nộp kinh phí công đoàn bằng tiền mặt, khi các đơn vị đến nộp tiền, thì kế toán của LĐLĐ thành phố sẽ lập phiếu thu, đồng thời tính số kinh phí cấp cho đơn vị Công đoàn cơ sở đó và lập phiếu chi, trình lãnh đạo đơn vị ký duyệt. Theo quy định, hàng tháng, nhân viên kế toán phải in sổ phụ tại Ngân hàng, chuẩn bị bảng biểu, sổ sách, chứng từ kế toán để cùng chủ tài khoản và thủ quỹ kiểm tra, đối chiếu sổ quỹ tiền mặt và số dư trong tài khoản của đơn vị.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, H đã giao cho PH đăng ký với Ngân hàng cung cấp dịch vụ thông báo biến động số dư trên tài khoản của đơn vị bằng tin nhắn và gửi đến số điện thoại của PH (về nguyên tắc tin nhắn phải được gửi đến số điện thoại của chủ tài khoản). Ngoài ra, khi kiểm tra, đối chiếu chứng từ, sổ sách kế toán hàng tháng, thấy H chỉ kiểm tra việc thu, chi quỹ tiền mặt, còn các chứng từ giao dịch phát sinh tại Ngân hàng và sổ phụ thì không kiểm tra, nên PH đã nảy sinh ý định lập ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản của đơn vị mà PH được giao quản lý vào tài khoản của cá nhân để chiếm đoạt tiền của cơ quan.

Ngày 27/9/2018, sau khi tập ký giả chữ ký của H (chủ tài khoản) đến khi thấy giống với chữ ký thật, PH đã lập 01 ủy nhiệm chi, ghi số tiền là 20.000.000 đồng để chuyển từ tài khoản của LĐLĐ thành phố đến tài khoản cá nhân của PH số 341100000956481, mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, ký giả chữ ký của H và đóng dấu của cơ quan vào ủy nhiệm chi. Sau đó, PH mang ủy nhiệm chi vừa lập đến Phòng giao dịch, Ngân hàng NN và PTNT tỉnh làm thủ tục chuyển tiền; các nhân viên Ngân hàng đã kiểm tra, đối chiếu thông tin, nhưng không phát hiện ra chữ ký của H là giả và đã hoàn tất thủ tục chuyển số tiền trên đến tài khoản của PH. Thấy việc lập ủy nhiệm chi và giả mạo chữ ký của chủ tài khoản không bị phát hiện, nên từ ngày 27/9/2018 đến ngày 26/5/2020, PH đã nhiều lần lập ủy nhiệm chi, sau đó ký giả chữ ký của H và đóng dấu của cơ quan để chuyển tiền từ tài khoản của LĐLĐ thành phố đến tài khoản cá nhân của PH, với tổng số tiền là 1.781.500.000 đồng, phí dịch vụ chuyển tiền là 973.500 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt được là 1.782.473.500 đồng, cụ thể:

- Năm 2018, PH lập 08 ủy nhiệm chi, chiếm đoạt của đơn vị tổng số tiền 260.000.000 đồng, gồm các ủy nhiệm chi: (1) ngày 27/9/2018 - 20.000.000 đồng; (2) Ngày 03/10/2018 - 30.000.000 đồng; (3) Ngày 08/10/2018 - 10.000.000 đồng; (4) Ngày 15/10/2018 - 20.000.000 đồng; (5) Ngày 18/10/2018 - 20.000.000 đồng; (6) Ngày 30/10/2018 - 100.000.000 đồng; (7) Ngày 27/11/2018 - 30.000.000 đồng và (8) Ngày 28/12/2018 - 30.000.000 đồng.

- Năm 2019, PH lập 30 ủy nhiệm chi, chiếm đoạt của đơn vị 1.010.000.000 đồng, gồm các ủy nhiệm chi: (1) Ngày 05/01/2019 - 30.000.000 đồng; (2) Ngày 15/01/2019 - 20.000.000 đồng; (3) Ngày 17/01/2019 - 20.000.000 đồng; (4) Ngày

01/02/2019 - 20.000.000 đồng; (5) Ngày 12/3/2019 - 10.000.000 đồng; (6) Ngày 02/4/2019 - 20.000.000 đồng; (7) Ngày 10/4/2019 - 30.000.000 đồng; (8) Ngày 19/4/2019 - 10.000.000 đồng; (9) Ngày 26/4/2019 - 20.000.000 đồng; (10) Ngày 04/5/2019 - 10.000.000 đồng; (11) Ngày 15/5/2019 - 80.000.000 đồng; (12) Ngày 02/7/2019 - 50.000.000 đồng; (13) Ngày 22/7/2019 - 30.000.000 đồng; (14) Ngày 26/7/2019 - 20.000.000 đồng; (15) Ngày 31/7/2019 - 20.000.000 đồng; (16) Ngày 05/8/2019 - 10.000.000 đồng; (17) Ngày 22/8/2019 - 40.000.000 đồng; (18) Ngày 04/9/2019 - 10.000.000 đồng; (19) Ngày 20/9/2019 - 10.000.000 đồng; (20) Ngày 03/10/2019 - 20.000.000 đồng; (21) Ngày 18/10/2019 - 20.000.000 đồng; (22) Ngày 25/10/2019 - 100.000.000 đồng; (23) Ngày 01/11/2019 - 30.000.000 đồng; (24) Ngày 08/11/2019 - 20.000.000 đồng; (25) Ngày 26/11/2019 - 80.000.000 đồng; (26) Ngày 03/12/2019 - 20.000.000 đồng; (27) Ngày 11/12/2019 - 100.000.000 đồng; (28) Ngày 19/12/2019 - 50.000.000 đồng; (29) Ngày 20/12/2019 - 100.000.000 đồng; (30) Ngày 26/12/2019 - 10.000.000 đồng.

- Đến tháng 3/2020, PH lập 08 ủy nhiệm chi, chiếm đoạt số tiền 273.000.000 đồng, gồm các uỷ nhiệm chi: (1) Ngày 10/01/2020 - 100.000.000 đồng; (2) Ngày 13/01/2020 - 20.000.000 đồng; (3) Ngày 15/01/2020 - 50.000.000 đồng; (4) Ngày 22/01/2020 - 6.000.000 đồng; (5) Ngày 04/02/2020 - 60.000.000 đồng; (6) Ngày 20/02/2020 - 10.000.000 đồng; (7) Ngày 28/02/2020 - 12.000.000 đồng; (8) Ngày 13/3/2020 - 15.000.000 đồng.

Tính đến ngày 13/3/2020, PH đã chuyển 1.543.000.000 đồng từ tài khoản của LĐLĐ thành phố đến tài khoản cá nhân của PH. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, do sợ bị phát hiện, nên từ ngày 07/5/2019 đến ngày 21/01/2020, PH đã tự chuyển trả lại 610.030.000 đồng vào tài khoản của cơ quan. Số tiền còn lại là 932.970.000 đồng, PH đã chiếm đoạt và chi tiêu cá nhân hết.

Đến giữa tháng 3/2020, H yêu cầu PH rút tiền mặt qua séc để chi hoạt động của cơ quan và PH đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình với H. Ngay sau đó, H đã đến Ngân hàng đề nghị cung cấp sổ phụ để kiểm tra, đối chiếu số tiền trong tài khoản; thay đổi dịch vụ tin nhắn thông báo biến động số dư tài khoản của đơn vị, được gửi đến số điện thoại của H. Đồng thời, ngày 15/3/2020 H đã chủ trì tổ chức họp toàn thể cơ quan, yêu cầu PH nghiêm túc giải trình, kiểm điểm hành vi vi phạm của cá nhân và phải thực hiện ngay việc nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt vào quỹ tiền mặt của cơ quan để khắc phục vi phạm. Từ ngày 23/3/2020 đến ngày 11/4/2020, PH đã nộp trả lại cho cơ quan số tiền là 886.760.000 đồng/932.970.000 đồng đã chiếm đoạt (số tiền còn phải khắc phục là 46.210.000 đồng).

Do không có tiền để tiếp tục trả lại cho cơ quan, ngày 17/4/2020 PH đã tự ý ra Ngân hàng NN và PTNT tỉnh làm giấy đề nghị và ký giả chữ ký của H yêu cầu Ngân hàng thay đổi số điện thoại nhận dịch vụ tin nhắn báo biến động số dư tài khoản của đơn vị, từ số điện thoại của H sang số điện thoại của PH. Từ ngày 17/4/2020 đến ngày 20/5/2020, PH lại tiếp tục lập 04 uỷ nhiệm chi và ký giả chữ ký của chủ tài khoản, chuyển số tiền 238.500.000 đồng từ tài khoản của LĐLĐ thành phố đến tài khoản của PH (các ủy nhiệm chi: Ngày 17/4/2020 là 18.500.000 đồng, ngày 29/4/2020 là 180.000.000 đồng, ngày 20/5/2020 là 20.000.000 đồng,

ngày 26/5/2020 là 20.000.000 đồng); sau đó, PH rút tiền mặt ra để chi tiêu cá nhân và nộp trả lại cho cơ quan để khắc phục hậu quả đối với số tiền 46.210.000 đồng nêu trên.

Do không nhận được tin nhắn báo biến động số dư tài khoản của đơn vị, H đã đến Ngân hàng kiểm tra và phát hiện việc PH yêu cầu Ngân hàng thay đổi số điện thoại nhận tin nhắn dịch vụ. Đồng thời, đề nghị Ngân hàng cung cấp sổ phụ tháng 4, tháng 5/2020 để kiểm tra, thì phát hiện PH tiếp tục lập khống chứng từ để chiếm đoạt tiền của cơ quan. Ngay sau đó, H đã tổ chức họp cơ quan, yêu cầu PH nộp trả lại ngay số tiền đã chiếm đoạt. Đến ngày 15/7/2020, PH đã thực hiện xong việc nộp trả lại cho LĐLĐ thành phố toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt trên.

Tổng số tiền mà PH đã lập khống 50 uỷ nhiệm chi để chiếm đoạt của LĐLĐ thành phố là 1.781.500.000 đồng, phí dịch vụ chuyển tiền là 973.500 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt được là 1.782.473.500 đồng. Tuy nhiên, khi sự việc chưa bị phát hiện, PH đã tự giác nộp trả lại tài khoản của đơn vị số tiền 610.030.000 đồng. Số tiền còn lại là (932.970.000 đồng + 238.500.000 đồng + 973.500 đồng) = **1.172.443.500 đồng**, PH đã tham ô và chi tiêu cá nhân hết.

Tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Hà P và Phạm Thị H trên 50 ủy nhiệm chi, 01 Giấy đề nghị thay đổi/bổ sung/khoá/huỷ dịch vụ ngân hàng điện tử lập ngày 17/4/2020 của LĐLĐ thành phố Tuyên Quang.

Tại bản kết luận giám định số 700/GĐ-KTHS ngày 11/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Chữ ký, chữ viết ghi tên Phạm Thị H dưới mục "Chủ tài khoản" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12 (*là 12 uỷ nhiệm chi*), dưới mục "Khách hàng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A13 (*Giấy đề nghị thay đổi/bổ sung/khoá/huỷ dịch vụ ngân hàng điện tử lập ngày 17/4/2020*) với chữ ký, chữ viết ghi tên Phạm Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 (*Mẫu chữ ký, chữ viết ghi tên "Phạm Thị H" do bà Phạm Thị H ký và viết; bản tường trình viết tay của H*), không phải do cùng một người ký và viết.

- Chữ ký dưới mục "Chủ tài khoản" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12, dưới mục "Khách hàng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A13 với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Hà P trên mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 (*Mẫu chữ ký, chữ viết ghi tên "Phạm Thị H" do Nguyễn Thị Hà P ký và viết; bản tường trình của Nguyễn Thị Hà P*), không cùng dạng nên không tiến hành so sánh.

- Chữ viết ghi tên "Phạm Thị H" dưới mục "Chủ tài khoản" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12, dưới mục "Khách hàng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A13 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Hà P trên mẫu so sánh ký hiệu M3, M4) là do cùng một người viết.

Tại bản kết luận giám định số 706/GĐ-KTHS ngày 13/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Chữ ký, chữ viết "N.T. Hà PH" dưới mục "Kế toán trưởng" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Hà P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký.

- Chữ ký, chữ viết "Phạm Thị H" dưới mục "Chủ tài khoản" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12, dưới mục "Khách hàng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A13 với chữ ký, chữ viết ghi tên Phạm Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M3 (*Mẫu chữ ký, chữ viết ghi tên "Phạm Thị H" do Nguyễn Thị Hà P ký và viết*) là do cùng một người ký và viết.

Tại bản kết luận giám định số 849/GĐ-KTHS ngày 23/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

Giám định chữ ký, chữ viết của PH và H trên 38 ủy nhiệm chi do LĐLĐ thành phố lập:

- Chữ ký, chữ viết "N.T. Hà PH" và "Nguyễn Thị Hà P" dưới mục "Kế toán trưởng" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A38 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Hà P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 (*Mẫu chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị Hà P (M1); bản tường trình viết tay, ghi ngày 04/9/2020 của Nguyễn Thị Hà P (M2)* là do cùng một người ký và viết.

- Chữ ký, chữ viết " Phạm Thị H" dưới mục "Chủ tài khoản" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A38 với chữ ký, chữ viết ghi tên Phạm Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M3 (*01 tờ giấy A4 ghi ngày 10/9/2020 có các chữ ký, chữ viết ghi tên Phạm Thị H; dưới mục: Người ký và viết tên Phạm Thị H: có chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị Hà P)* là do cùng một người ký và viết.

- Chữ ký, chữ viết " Phạm Thị H" dưới mục "Chủ tài khoản" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A38 với chữ ký, chữ viết ghi tên Phạm Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 không phải do cùng một người ký và viết.

- Chữ ký ghi tên Phạm Thị H dưới mục "Chủ tài khoản" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A38 với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không cùng dạng nên không tiến hành so sánh.

- Chữ viết "Phạm Thị H" dưới mục "Chủ tài khoản" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A38 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Hà P trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết.

1.2. Hành vi lập phiếu thu, phiếu chi để chiếm đoạt tiền công đoàn phí của 11 đơn vị công đoàn cơ sở nộp cho Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang:

Trong quá trình thu đoàn phí của các đơn vị công đoàn cơ sở thuộc khối doanh nghiệp, nếu đơn vị nào nộp bằng tiền mặt thì PH lập phiếu thu, sau đó tính toán và lập phiếu chi để cấp lại kinh phí hoạt động cho Công đoàn cơ sở rồi giao phiếu cho ông Phạm Văn S, Phó Chủ tịch LĐLĐ thành phố (kiêm nhiệm công tác thủ quỹ của cơ quan), để ông Sơn thu và chi tiền; các phiếu thu và phiếu chi đều được lập thành 02 liên, sau khi xin chữ ký của H và đóng dấu của cơ quan sẽ giao cho đơn vị nộp tiền hoặc nhận tiền 01 liên và lưu tại cơ quan 01 liên. Do LĐLĐ thành phố chỉ có 04 biên chế, ông Sơn không có mặt thường xuyên tại cơ quan, nên H giao cho PH trực tiếp lập phiếu thu và thu tiền của các Công đoàn cơ sở, sau đó phải chuyển toàn bộ chứng từ và số tiền đã thu cho thủ quỹ để nhập quỹ tiền mặt của cơ quan ngay trong ngày thu tiền (PH không được giao nhiệm vụ trực tiếp cấp trả kinh phí cho các Công đoàn cơ sở).

Từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2020, lợi dụng việc được giao thu kinh phí công đoàn, nên khi cán bộ Công đoàn cơ sở đến nộp tiền, PH lập phiếu thu đúng với số tiền đã nhận. Đối với một số đơn vị Công đoàn cơ sở đến nộp tiền, PH đã tự ý tính toán số kinh phí mà Công đoàn cơ sở được hưởng theo quy định để lập phiếu chi và cấp luôn kinh phí cho đơn vị đấy (một số phiếu chi PH ký tên người lập phiếu, đóng dấu treo của cơ quan; một số phiếu chi PH ký giả chữ ký của chủ tài khoản và thủ quỹ). Sau khi nhận tiền, PH lập một phiếu thu khác, ghi số tiền thấp hơn số tiền thực tế đã thu của Công đoàn cơ sở và ký giả tên người nộp tiền, sau đó giao phiếu thu và tiền cho ông Sơn để nhập quỹ tiền mặt của cơ quan, số tiền chênh lệnh PH đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân. Ngoài ra, PH còn chiếm đoạt hết số tiền mà một số Công đoàn cơ sở đến nộp, không giao lại cho thủ quỹ, cụ thể:

- Ngày 08/5/2019, PH lập Phiếu thu số 04 thu của Công đoàn Công ty cổ phần giấy Tuyên Quang 15.000.000 đồng (PH ký giả chữ ký của H trên phiếu thu). Ngày 25/5/2019, PH lập giả Phiếu thu số 08 ghi thu số tiền 10.000.000 đồng, ký giả chữ ký của bà Nguyễn Thị Thân TH là người nộp tiền, sau đó chuyển phiếu và tiền cho ông Sơn. PH chiếm đoạt 5.000.000 đồng.

- Ngày 09/5/2019, PH lập Phiếu thu số 5 thu của Công đoàn Công ty cổ phần đường bộ 232 số tiền 20.000.000 đồng, đồng thời lập Phiếu chi số 21 cấp cho Công đoàn cơ sở số tiền 9.800.000 đồng (cả phiếu trên, PH đều ký giả chữ ký của H). Số tiền còn lại 10.200.000 đồng, PH chiếm đoạt hết.

- Ngày 10/5/2019, PH lập Phiếu thu số 6 thu của Công đoàn Công ty cổ phần tổng hợp Tuyên Quang số tiền 14.700.000 đồng, đồng thời lập Phiếu chi số 22 cấp cho Công đoàn cơ sở số tiền 7.200.000 đồng (các phiếu trên được đóng dấu treo của cơ quan). Số tiền còn lại 7.500.000 đồng, PH chiếm đoạt hết.

- Ngày 14/5/2019, PH lập Phiếu thu số 7 thu của Công đoàn Công ty cổ phần tH mại Tuyên Quang số tiền 12.500.000 đồng (PH đưa phiếu cho H ký, còn PH ký giả chữ ký của ông Sơn). Ngày 20/5/2019, PH lập giả Phiếu thu ghi thu số tiền 7.500.000 đồng, ký giả chữ ký của ông Nguyễn Quốc Toản là người nộp tiền, sau đó chuyển phiếu và tiền cho ông Sơn. PH chiếm đoạt 5.000.000 đồng.

- Ngày 18/6/2019, PH lập Phiếu thu số 9 thu của Công đoàn Công ty TNHH Dũng Giang số tiền 5.360.000 đồng (PH đưa phiếu cho bà H ký). Số tiền này PH đã chiếm đoạt hết.

- Ngày 08/7/2019, PH lập Phiếu thu số 11 thu của Công đoàn Công ty cổ phần in và dịch vụ Tuyên Quang số tiền 15.708.682 đồng, đồng thời lập Phiếu chi số 36 cấp kinh phí cho Công đoàn cơ sở số tiền 7.690.000 đồng (cả hai phiếu trên, PH đều ký giả chữ ký của H). Số tiền còn lại 8.018.682 đồng, PH chiếm đoạt hết.

- Ngày 09/7/2019, PH lập Phiếu thu số 12 thu của Công đoàn Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang số tiền 10.620.000 đồng, đồng thời Lập phiếu chi số 37 cấp kinh phí cho Công đoàn cơ sở số tiền 5.200.000 đồng (cả hai phiếu trên chỉ đóng dấu treo của cơ quan). Số tiền còn lại 5.420.000 đồng, PH chiếm đoạt hết.

- Ngày 08/8/2019, PH lập Phiếu thu số 15 thu của Công đoàn Công ty cổ phần xây dựng tổng hợp Tuyên Quang số tiền 14.400.000 đồng, đồng thời lập Phiếu chi

số 22 cấp kinh phí cho Công đoàn cơ sở số tiền 7.056.000 đồng (cả hai phiếu trên chỉ đóng dấu treo của cơ quan). Số tiền còn lại 7.344.000 đồng, PH chiếm đoạt hết.

- Ngày 13/11/2019, PH lập Phiếu thu số 22 thu của Công đoàn Công ty TNHH Dũng Giang số tiền 5.360.000 đồng (đóng dấu treo của cơ quan lên phiếu). Số tiền này PH chiếm đoạt hết.

- Ngày 31/12/2019, PH lập Phiếu thu số 28 thu của Công đoàn Công ty cổ phần in và dịch vụ Tuyên Quang số tiền 15.372.000 đồng, đồng thời lập Phiếu chi số 91 cấp kinh phí cho Công đoàn cơ sở số tiền 6.430.000 đồng (PH đưa cho H ký). Số tiền còn lại 8.942.000 đồng, PH chiếm đoạt hết.

- Ngày 31/12/2019, PH lập Phiếu thu số 34 thu của Công đoàn Công ty cổ phần Đường bộ 232 số tiền 66.288.000 đồng, đồng thời lập Phiếu chi số 96 cấp kinh phí cho Công đoàn cơ sở số tiền 32.480.000 đồng (cả hai phiếu trên chỉ đóng dấu treo của cơ quan). Cùng ngày, PH lập giả Phiếu thu số 36 ghi thu số tiền thu 50.288.000 đồng và Phiếu chi số 95 cấp kính phí cho Công đòan cơ sở số tiền 24.640.000 đồng, ký giả chữ ký của bà Trần Thị Thuý là người nộp tiền. Sau đó PH chuyển phiếu và 25.648.000 đồng cho ông Sơn, còn PH chiếm đoạt 8.160.000 đồng.

- Ngày 31/12/2019, PH nhận tiền kinh phí công đoàn của Công đoàn Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư thuỷ lợi Ngọc Lâm số tiền 4.998.000 đồng, PH cấp trả cho đơn vị 2.449.000 đồng người nhận là bà Đào Kim Cúc, kế toán Công đoàn Công ty (PH không lập phiếu mà hẹn sẽ trả sau). Sau khi nhận tiền, PH không lập phiếu thu, phiếu chi, số tiền còn lại 2.549.000 đồng PH chiếm đoạt hết.

- Ngày 07/01/2020, PH lập Phiếu thu số 29 thu của Công đoàn Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Thành Hưng số tiền 17.254.000 đồng (PH ký giả chữ ký của H và ông Sơn). Sau đó PH lập giả Phiếu thu số 32 đề ngày 30/12/2019, ghi số tiền thu là 12.254.000 đồng, ký giả chữ ký của ông Phạm Việt Hùng là người nộp tiền; giao phiếu thu và số tiền 12.254.000 đồng cho ông Sơn. PH chiếm đoạt 5.000.000 đồng.

- Ngày 08/01/2020, PH nhận số tiền 61.407.000 đồng kinh phí công đoàn của Công đoàn Công ty TNHH Hiệp Phú (không lập phiếu mà hẹn sẽ trả sau). Sau khi nhận tiền, PH không giao cho ông Sơn mà chiếm đoạt hết.

- Ngày 12/5/2020, PH lập Phiếu thu số 10 thu của Công đoàn Công ty cổ phần in và dịch vụ Tuyên Quang số tiền 9.870.000 đồng, đồng thời lập Phiếu chi số 39 cấp kinh phí cho Công đoàn cơ sở số tiền 4.935.000 đồng (ký giả chữ ký của H và chữ ký của bà Dìu Ngọc Yến ở mục Thủ quỹ). Số tiền còn lại 4.935.000 đồng, PH chiếm đoạt hết.

- Ngày 20/5/2020, PH lập Phiếu thu số 14 thu của Công đoàn Công ty cổ phần xây dựng Tuyên Quang số tiền 14.040.000 đồng, đồng thời lập Phiếu chi số 40 cấp kinh phí cho Công đoàn cơ sở số tiền 7.020.000 đồng (các phiếu chỉ được đóng dấu treo của cơ quan). Số tiền còn lại 7.020.000 đồng, PH chiếm đoạt hết.

- Ngày 24/6/2020, PH lập Phiếu thu số 18 thu của Công đoàn Công ty cổ phần Xây dựng xây lắp và Kinh doanh vật liệu xây dựng Tuyên Quang số tiền 10.678.000 đồng, đồng thời lập Phiếu chi số 52 cấp kinh phí cho Công đoàn cơ sở

số tiền 5.330.000 đồng (các phiếu chỉ được đóng dấu treo của cơ quan). Số tiền còn lại 5.348.000 đồng, PH chiếm đoạt hết.

Tổng số tiền công đoàn phí do 11 đơn vị công đoàn cơ sở thuộc khối doanh nghiệp nộp cho LĐLĐ thành phố mà PH đã chiếm đoạt của là **162.563.682 đồng.** Toàn bộ số tiền này, PH đã tham ô và chi tiêu cá nhân hết; đến ngày 15/7/2020, PH đã khắc phục nộp trả lại toàn bộ số tiền trên cho LĐLĐ thành phố Tuyên Quang.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 27/9/2018 đến ngày 24/6/2020, Nguyễn Thị Hà PH, nhân viên kế toán của LĐLĐ thành phố đã lợi dụng nhiệm vụ được giao, có hành vi lập và ký giả chữ ký của thủ trưởng trên các uỷ nhiệm chi; ký giả chữ ký của thủ trưởng, thủ quỹ đơn vị và người nộp tiền trên các phiếu thu, phiếu chi để tham ô của LĐLĐ thành phố tổng số tiền là (1.172.443.500 đồng + 162.563.682 đồng) = **1.335.007.182 đồng.**

Tại bản Kết luận giám định số 218/GĐ-KTHS ngày 26/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Hà P dưới mục "Người lập" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A31 với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Hà P trên mẫu so sánh ký hiệu M1 (*01 tờ giấy A4 có chữ kỹ, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị Hà P*) là do cùng một người ký.

- Chữ ký đứng tên Phạm Thị H dưới mục "Thủ trưởng đơn vị" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A14, A15, A18, A19, A22, A23 với chữ ký ghi tên Phạm Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M2 (*01 tờ giấy A4 ghi ngày 10/9/2020 có các chữ kỹ, chữ viết ghi tên Phạm Thị H do Nguyễn Thị Hà P ký và viết)* là do cùng một người ký.

- Chữ ký đứng tên Phạm Thị H dưới mục "Thủ trưởng đơn vị" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A14, A15, A18, A19, A22, A23 với chữ ký ghi tên Phạm Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M3 (*01 tờ giấy A4 có các chữ kỹ, chữ viết ghi tên Phạm Thị H)* không phải do cùng một người ký.

- Chữ ký đứng tên Phạm Thị H dưới mục "Thủ trưởng đơn vị" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A13 với chữ ký ghi tên Phạm Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M4 (*01 tờ giấy A4 có các chữ kỹ tắt, chữ viết ghi tên Phạm Thị H)* không phải do cùng một người ký.

- Chữ ký đứng tên Phạm Văn S dưới mục "Thủ quỹ" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A4, A13 với chữ ký đứng tên Phạm Văn S trên mẫu so sánh ký hiệu M5 (*01 bản tường trình, 01 biên bản ghi lời khai của Phạm Văn S*) không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

- Chữ ký đứng tên Dìu Ngọc Yến dưới mục "Thủ quỹ" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A18, A19, A31 với chữ ký đứng tên Dìu Ngọc Yến trên mẫu so sánh ký hiệu M6 (*01 bản tường trình, 01 biên bản ghi lời khai của Dìu Ngọc Yến*) không phải do cùng một người ký.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thân TH dưới mục "Người nộp" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A26 với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thân TH trên mẫu so sánh ký hiệu M7 (*01 bản tường trình, 01 biên bản ghi lời khai của Nguyễn Thị Thân TH*) không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Quốc Toản dưới mục "Người nộp" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A27 với chữ ký đứng tên Nguyễn Quốc Toản trên mẫu so sánh ký hiệu M8 (*bản tường trình ngày 29/01/2021 của anh Nguyễn Quốc Toản)* không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

- Chữ ký đứng tên Phạm Việt Hùng dưới mục "Người nộp" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A29 với chữ ký đứng tên Phạm Việt Hùng trên mẫu so sánh ký hiệu M9 (*bản tường trình ngày 30/01/2021 của anh Phạm Việt Hùng*) không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

- Chữ ký đứng tên Trần Thị Thuý dưới mục "Người nộp" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A30, dưới mục "Người nhận tiền" trên mẫu cần giám định ký hiệu A31 với chữ ký đứng tên Trần Thị Thuý trên mẫu so sánh ký hiệu M10 (*Biên bản ghi lời khai chị Trần Thị Thuý ngày 28/01/2021*) không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

2. Hành vi Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của bị cáo Phạm Thị H:

Phạm Thị H là Chủ tịch LĐLĐ thành phố, chịu trách nhiệm quản lý, phụ trách chung về toàn bộ hoạt động của cơ quan và phụ trách về công tác tài chính. Là chủ tài khoản, H có nhiệm vụ quản lý nguồn kinh phí của đơn vị, đảm bảo việc thu, chi, quyết toán đúng với dự toán được giao và đúng quy định của Luật kế toán. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, do chủ quan, tin tưởng nhân viên dưới quyền; buông lỏng quản lý, thiếu kiểm tra, giám sát đối với nhân viên kế toán của đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ; không kiểm soát chặt chẽ nguồn kinh phí thu, chi của đơn vị, dẫn đến không kịp thời phát hiện hành vi vi phạm của PH, để PH thực hiện trót lọt hành vi chiếm đoạt của cơ quan tổng số tiền **1.335.007.182 đồng**. Ngoài ra, khi phát hiện hành vi vi phạm của PH, mặc dù đã tổ chức, chủ trì họp cơ quan và yêu cầu PH khắc phục hậu quả, nhưng H không kịp thời báo cáo với cơ quan chức năng và cấp có thẩm quyền để chỉ đạo xử lý, dẫn đến việc PH tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 32/CT-VKS-P1 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hà P về tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị Hà P, Phạm Thị H như nội dung cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hà P phạm tội "Tham ô tài sản"; bị cáo Phạm Thị H phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"

- Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 41 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hà P từ 15 năm tù đến 16 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Hà P hành nghề kế toán từ 03 năm đến 04 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 360; các điểm a, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 54; Điều 41 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Cấm bị cáo Phạm Thị H đảm nhiệm chức vụ quản lý từ 02 năm đến 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị Hà P đã tự nguyện nộp lại 1.358.328.000 đồng trên tổng số tiền 1.335.007.182 đồng đã chiếm đoạt của Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang và 11 công đoàn cơ sở. Số tiền đã nộp hiện do Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang quản lý. Số tiền nộp thừa 23.320.818 đồng, ngày 01/7/2021 Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang đã trả lại cho bị cáo PH, do vậy không đề nghị xử lý.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Lưu theo hồ sơ vụ án các chứng từ liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Hà P.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hà P, Luật sư Lê Quý Thành và Luật sư Trần Thị Oanh trình bày luận cứ: Nhất trí với tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, trong quá trình công tác được nhận nhiều Giấy khen, bằng khen của LĐLĐ tỉnh Tuyên Quang; hiện nay đang phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hơn nữa cơ quan bị cáo cũng có một phần lỗi là quản lý lỏng lẻo, không tố giác tội phạm, thiệt hại đã được bị cáo khắc phục toàn bộ. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 xử bị cáo dưới khởi điểm của khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Hà P nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến gì khác.

Bị cáo Phạm Thị H nhất trí đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và hình phạt, không có ý kiến tham gia tranh luận.

Đại diện bị hại Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang trình bày: Nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Thị Hà P, Phạm Thị H.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải về

hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Thị Hà P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất; bị cáo Phạm Thị H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa pH, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị hại, những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, các kết luận giám định có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 27/9/2018 đến ngày 26/5/2020, lợi dụng nhiệm vụ là kế toán của LĐLĐ thành phố, Nguyễn Thị Hà P, sinh năm 1990, trú tại tổ 14, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (chỗ ở tổ 6, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang) đã có hành vi lập giả 50 uỷ nhiệm chi, giả mạo chữ ký của chủ tài khoản, để chuyển tiền từ tài khoản của đơn vị được giao quản lý đến tài khoản cá nhân, chiếm đoạt của LĐLĐ thành phố số tiền là 1.172.443.500 đồng. Trong thời gian từ ngày 08/5/2019 đến ngày 24/6/2020, lợi dụng nhiệm vụ được giao, PH đã lập giả các phiếu thu, ghi số tiền thấp hơn thực tế, hoặc không lập phiếu thu và không giao nộp số tiền công đoàn phí của 11 đơn vị công đoàn cơ sở cho thủ quỹ của đơn vị theo quy định, chiếm đoạt số tiền 162.563.682 đồng. Tổng hai khoản tiền mà Nguyễn Thị Hà P đã chiếm đoạt là **1.335.007.182 đồng.**

Từ năm 2018 đến tháng 6/2020, Phạm Thị H là Chủ tịch LĐLĐ thành phố Tuyên Quang, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã buông lỏng quản lý, thiếu kiểm tra, giám sát dẫn đến không kịp thời phát hiện vi phạm, để Nguyễn Thị Hà P là nhân viên kế toán của đơn vị thực hiện hành vi chiếm đoạt tổng số tiền **1.335.007.182 đồng** của LĐLĐ thành phố.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào hoạt động đúng đắn của cơ quan Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang nơi bị cáo công tác. Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín tổ chức Công đoàn, tổ chức là đại diện cho giai cấp công nhân và người lao động trong việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, hành vi của bị cáo gây thiệt hại cho tài sản của tổ chức chính trị xã hội, gây dư luận không tốt đối với nhân dân, cán bộ, đoàn viên công đoàn tại địa pH nơi các bị cáo cư trú và làm việc. Bản thân bị cáo Nguyễn Thị Hà P là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình, nhưng đã lợi dụng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý.

Bị cáo Phạm Thị H với chức vụ là chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang, là chủ tài khoản, có trách nhiệm quản lý, phụ trách chung toàn bộ hoạt động của cơ quan và phụ trách về công tác tài chính, tuy nhiên đã buông lỏng quản lý hàng tháng, hàng quý, hàng năm không thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với nhân viên kế toán, không thực hiện việc kiểm tra sổ tiền mặt, kiểm tra sổ phụ tài khoản ngân hàng, không thực hiện kiểm soát nguồn kinh phí thu, chi của đơn vị dẫn đến không kịp thời phát hiện hành vi vi phạm của bị cáo PH là nhân viên kế toán, để bị cáo PH có điều kiện thực hiện trót lọt hành vi chiếm đoạt nhiều lần với tổng số tiền 1.335.007.182đ của cơ quan.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Hà P về tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự; truy tố đối với bị cáo Phạm Thị H về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Hà P sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp tiền khắc phục xong hậu quả; có ông nội và ông ngoại được tặng thưởng Huân cH Kháng chiến Hạng Ba, trong quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen, bằng khen, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Thị H có thành tích xuất sắc trong công tác được UBND tỉnh, Ban Chấp hành LĐLĐ tỉnh Tuyên Quang tặng Bằng khen; sau khi phát hiện sự việc đã tích cực tác động để bị cáo PH bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại đã gây ra; đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Hà P phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức án:

Bị cáo Nguyễn Thị Hà P đã khắc phục nộp trả toàn bộ số tiền tham ô, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, và 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do vậy cần áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung bị truy tố cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị phù hợp nên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận.

Bị cáo Phạm Thị H phạm tội do lỗi vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tội phạm đã được khắc phục xong toàn bộ thiệt hại, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ

tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt là phù hợp pháp luật. Bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng do vậy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được cải tạo tại địa pH cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hà P:

Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Nguyễn Thị Hà P phạm tội không có đồng phạm, bị cáo tự thực hiện toàn bộ tội phạm, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, không có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với các ủy nhiệm chi, các phiếu thu tiền, xét thấy đây là chứng cứ của vụ án, do vậy cần được lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Đối với số tiền 23.320.818 đồng bị cáo PH đã nộp thừa so với số tiền đã chiếm đoạt của LĐLĐ thành phố Tuyên Quang, hiện nay đang do LĐLĐ thành phố Tuyên Quang quản lý. Ngày 01/7/2021 sau khi có Kết luận điều tra, Cáo trạng, Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang đã trả lại cho bị cáo PH số tiền này, bị cáo PH đã khắc phục xong toàn bộ số tiền tham ô, đại diện bị hại không đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với ông Phạm Văn S, Phó Chủ tịch LĐLĐ thành phố (kiêm nhiệm công tác thủ quỹ năm 2018, 2019) và bà Dìu Ngọc Yến, cán bộ LĐLĐ thành phố (kiêm nhiệm công tác thủ quỹ năm 2020), đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, quản lý quỹ tiền mặt đúng quy định. Ông Sơn và bà Yến không biết, không tham gia cùng bị cáo PH thực hiện hành vi phạm tội, không được hưởng lợi gì, hành vi không cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với các cán bộ có liên quan của Ngân hàng NN và PTNT tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình kiểm tra, đối chiếu, xét duyệt chứng từ đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy trình, do chỉ kiểm tra, đối chiếu bằng mắt thường nên không phát hiện được chữ ký của chủ tài khoản trong các chứng từ uỷ nhiệm chi là chữ ký giả mạo, không biết hành vi gian dối của bị cáo PH, không được hưởng lợi gì, hành vi không cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn Q, Trưởng Ban tài chính, bà Nguyễn PH H, kế toán, ông Lê Đình T, Chủ nhiệm UBKT của LĐLĐ tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình kiểm tra, xét duyệt chứng từ quyết toán ngân sách năm 2018, 2019 đã thực hiện đúng quy định nhưng không phát hiện được vi phạm của bị cáo PH là do bị cáo PH đã sửa chữa, khắc phục chứng từ, sổ sách kế toán; những người trên không biết, không được hưởng lợi gì từ hành vi của bị cáo PH. Hành vi không cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Hà P, Phạm Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hà P phạm tội Tham ô tài sản; bị cáo Phạm Thị H phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

1. ***Về hình phạt:***

- Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 41 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hà P 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Hà P hành nghề kế toán trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự; các điểm s, a, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 41 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị H 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Cấm bị cáo Phạm Thị H đảm nhiệm các chức vụ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Phạm Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo Phạm Thị H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. ***Về xử lý vật chứng:*** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Lưu theo hồ sơ vụ án các ủy nhiệm chi, các phiếu thu tiền là chứng từ liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Hà P.

3. ***Về án phí:*** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Hà P, Phạm Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. ***Về quyền kháng cáo***: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan vắng mặt được kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại; người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ma Ngọc Trung